

Lịch ngày làm việc cho năm 2022. (Người israel)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
52						1	2
01	3	4	5	6	7	8	9
02	10	11	12	13	14	15	16
03	17	18	19	20	21	22	23
04	24	25	26	27	28	29	30
05	31						

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05		1	2	3	4	5	6
06	7	8	9	10	11	12	13
07	14	15	16	17	18	19	20
08	21	22	23	24	25	26	27
09	28						

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09		1	2	3	4	5	6
10	7	8	9	10	11	12	13
11	14	15	16	17	18	19	20
12	21	22	23	24	25	26	27
13	28	29	30	31			

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13					1	2	3
14	4	5	6	7	8	9	10
15	11	12	13	14	15	16	17
16	18	19	20	21	22	23	24
17	25	26	27	28	29	30	

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17							1
18	2	3	4	5	6	7	8
19	9	10	11	12	13	14	15
20	16	17	18	19	20	21	22
21	23	24	25	26	27	28	29
22	30	31					

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22		1	2	3	4	5	
23	6	7	8	9	10	11	12
24	13	14	15	16	17	18	19
25	20	21	22	23	24	25	26
26	27	28	29	30			

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26					1	2	3
27	4	5	6	7	8	9	10
28	11	12	13	14	15	16	17
29	18	19	20	21	22	23	24
30	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
31	1	2	3	4	5	6	7
32	8	9	10	11	12	13	14
33	15	16	17	18	19	20	21
34	22	23	24	25	26	27	28
35	29	30	31				

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35				1	2	3	4
36	5	6	7	8	9	10	11
37	12	13	14	15	16	17	18
38	19	20	21	22	23	24	25
39	26	27	28	29	30		

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39						1	2
40	3	4	5	6	7	8	9
41	10	11	12	13	14	15	16
42	17	18	19	20	21	22	23
43	24	25	26	27	28	29	30
44	31						

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44	1	2	3	4	5	6	
45	7	8	9	10	11	12	13
46	14	15	16	17	18	19	20
47	21	22	23	24	25	26	27
48	28	29	30				

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48				1	2	3	4
49	5	6	7	8	9	10	11
50	12	13	14	15	16	17	18
51	19	20	21	22	23	24	25
52	26	27	28	29	30	31	

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 2	28	20	8	160	144	96
Tháng 3	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 4	30	20	10	160	144	96
Tháng 5	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 6	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 7	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 8	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 9	30	20	10	160	144	96
Tháng 10	31	18	13	144	129.6	86.4
Tháng 11	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 12	31	22	9	176	158.4	105.6
1 phần tư	90	62	28	496	446.4	297.6
2 phần tư	91	63	28	504	453.6	302.4
1 nửa năm	181	125	56	1000	900	600
3 phần tư	92	64	28	512	460.8	307.2
4 phần tư	92	62	30	496	446.4	297.6
2 nửa năm	184	126	58	1008	907.2	604.8
1 năm	365	251	114	2008	1807.2	1204.8

17 thg 3, 2022	Purim (Tel Aviv)	26 thg 9, 2022	Rosh Hashanah
18 thg 3, 2022	Shushan Purim (Jerusalem)	27 thg 9, 2022	Rosh Hashana (Ngày 2)
16 thg 4, 2022	Lễ Vượt Qua (Ngày 1)	5 thg 10, 2022	Yom Kippur
22 thg 4, 2022	Lễ Vượt Qua (Ngày 7)	10 thg 10, 2022	Sukkot (Ngày 1)
5 thg 5, 2022	Vào ngày bạn sẽ bị đánh bại	17 thg 10, 2022	Shemini Atzeret
5 thg 6, 2022	Shavuot	17 thg 10, 2022	Simchat Torah